| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8**<br>**TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |
| **Bản án số: 05/2026/DS-ST**<br>Ngày: 25/3/2026<br>*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Tạ Thanh Tuấn;
*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền;
Ông Trần Lương Khoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thúy Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 19/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S; địa chỉ trụ sở chính: số A đường N, phường T, tỉnh Nghệ An.

*Người đại diện theo ủy quyền:* bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm: 1991; địa chỉ: số H Quốc lộ I, phường N, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- *Bị đơn:* ông Thái Văn T, sinh năm: 1998; địa chỉ: thôn T, xã V, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 05/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 10/09/2024, ông Thái Văn T có đến chi nhánh Đ của Công ty Cổ phần S tại địa chỉ: số H Quốc lộ I, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (nay là số H Quốc lộ I, phường N, tỉnh Quảng Trị) để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: DHM240902007NA21X ký giữa các bên ngày 10/09/2024 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ1: Giaodichdambao/botuphap: 1559637341 theo web: . Thì ông Thái Văn T có ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 xe môtô hai bánh biển kiểm soát: 74L1-315.34; Loại xe: Honda Airblade; màu: xanh đen; Số khung: RLHKF4103MZ614135; số máy:

KF41E0146972; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 001224 do Công an huyện V cấp ngày 10/05/2021. Để vay số tiền là 28.244.680 (Hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 10/09/2024 - 10/09/2025) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty Cổ phần S đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Thái Văn T. Căn cứ theo nhu cầu, ông Thái Văn T có đề nghị được thuê lại tài sản cầm cố để tiếp tục quản lý và sử dụng đi lại hàng ngày nên Công ty có ký kết thỏa thuận thuê tài sản cho ông Thái Văn T. Trong Giấy thỏa thuận thuê tài sản thời hạn thuê xe từ 10/09/2024 đến 10/09/2025, địa điểm trả xe là tại chi nhánh Công ty Cổ phần S – Chi nhánh Đ. Sau khi được giải ngân, ông Thái Văn T chưa thanh toán cho Công ty số tiền gốc và lãi theo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho Công ty Cổ phần S, đến thời điểm khởi kiện đã quá hạn hợp đồng 299 ngày, ông Thái Văn T không trả nợ và cũng không trả lại xe cho Công ty Cổ phần S. Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Thái Văn T tại địa chỉ: thôn T, xã V, huyện V, Quảng Trị (Nay là thôn T, xã V, tỉnh Quảng Trị) nhưng đều không gặp.

Vì vậy, Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Toà án xử buộc ông Thái Văn T phải thanh toán số tiền còn nợ Công ty tính đến ngày 05/8/2025 là 55.205.220 đồng (năm mươi lăm triệu hai trăm lẻ năm nghìn hai trăm hai mươi đồng);
Trong đó tiền gốc: 28.244.680 đồng, tiền lãi: 2.078.229 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định: 944.649 đồng, phí thuê tài sản: 18.302.553 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.635.109 đồng. Trường hợp thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ thì Công ty Cổ Phần S có quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe môtô hai bánh biển kiểm soát: 74L1-315.34; Loại xe: Honda Airblade; màu: xanh đen; Số khung: RLHKF4103MZ614135; số máy: KF41E0146972; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 001224 do Công an huyện V cấp ngày 10/05/2021, theo Hợp đồng cầm cố số DHM240902007NA21X ngày 10/9/2024, giấy thỏa thuận thuê xe đã ký với Chi Nhánh Đ - Công ty Cổ Phần S; Buộc ông Thái Văn T có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn cho công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án Buộc ông Thái Văn T phải trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tính đến ngày 25/3/2026 là 54.145.341 đồng *(năm mươi bốn triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi mốt đồng)*, trong đó: nợ gốc: 28.244.680 đồng *(hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi đồng)*, tiền lãi trong hạn: 2.078.229 đồng *(hai triệu không trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm hai mươi chín đồng)*, tiền lãi quá hạn: 5.519.879 đồng *(năm triệu năm trăm mười chín nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng),* phí thuê xe: 18.302.553 đồng *(mười tám triệu ba trăm lẻ hai nghìn năm trăm năm mươi ba đồng)*.

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiên gồm: Buộc bị đơn ông Thái Văn T phải thanh toán đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ cố định: 944.649 đồng; Buộc bị đơn ông Thái Văn T phải thanh toán đối với khoản tiền lãi quá hạn: 115.230 đồng; Trường hợp ông Thái Văn T không trả hoặc trả không đầy đủ thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản cầm cố; Buộc

ông Thái Văn T phải trả lại cho Công ty cổ phần S 01 xe mô tô hai bánh BKS 74L1-315.34; Loại xe: Honda Airblade; màu: xanh đen; Số khung: RLHKF4103MZ614135; số máy: KF41E0146972; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 001224 do Công an huyện V cấp ngày 10/05/2021 mang tên ông Thái Văn T.

** Bị đơn ông Thái Văn T:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Thái Văn T, nhưng ông Thái Văn T không có mặt và cũng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập lần hai cho ông Thái Văn T đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông Thái Văn T vẫn vắng mặt.

** Ý kiến Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã tiến hành tố tụng, giải quyết, xét xử vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định; người đại diện theo uỷ của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều Điều 70, 71, 86 BLTTDS; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70 và 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 313, 314; 463, 466, 468, 470 của BLDS; điểm b khoản 1 Điều 20 nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S đối với ông Thái Văn T về: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc ông Thái Văn T phải trả cho Công ty cổ phần S số tiền tính đến ngày 25/3/2026 là: 54.145.341 đồng *(năm mươi bốn triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi mốt đồng)*, trong đó: nợ gốc: 28.244.680 đồng *(hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi đồng)*, tiền lãi trong hạn: 2.078.229 đồng *(hai triệu không trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm hai mươi chín đồng)*, tiền lãi quá hạn: 5.519.879 đồng *(năm triệu năm trăm mười chín nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng),* phí thuê xe: 18.302.553 đồng *(mười tám triệu ba trăm lẻ hai nghìn năm trăm năm mươi ba đồng)*.

Sau khi ông Thái Văn T thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả số tiền phải thi hành án cho Công ty Cổ phần S thì Công ty Cổ phần S phải có nghĩa vụ xóa đăng ký giao dịch bảo đảm *(cầm cố)* đối với xe mô tô BKS 74L1-315.34; Loại xe: Honda Airblade; màu: xanh đen; Số khung: RLHKF4103MZ614135; số máy: KF41E0146972; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 001224 do Công an huyện V cấp ngày 10/05/2021 thuộc quyền sở hữu của ông Thái Văn T.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm:

Buộc bị đơn ông Thái Văn T phải thanh toán đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ cố định: 944.649 đồng;

Buộc bị đơn ông Thái Văn T phải thanh toán đối với khoản tiền lãi quá hạn: 115.230 đồng;

Trường hợp ông Thái Văn T không trả hoặc trả không đầy đủ thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản cầm cố là xe mô tô BKS 74L1-315.34; Loại xe: Honda Airblade; màu: xanh đen; Số khung: RLHKF4103MZ614135; số máy: KF41E0146972; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 001224 do Công an huyện V cấp ngày 10/05/2021 thuộc quyền sở hữu của ông Thái Văn T theo Hợp đồng cầm cố tài sản số DHM240902007NA21X ngày 10/9/2024 mà các bên đã ký.

Buộc ông Thái Văn T phải trả lại cho Công ty cổ phần S 01 xe mô tô hai bánh BKS 74L1-315.34; Loại xe: Honda Airblade; màu: xanh đen; Số khung: RLHKF4103MZ614135; số máy: KF41E0146972; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 001224 do Công an huyện V cấp ngày 10/05/2021 mang tên ông Thái Văn T.

- Về án phí: Buộc ông Thái Văn T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án dược thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2025, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ông Thái Văn T dùng tài sản là xe mô tô của mình cầm cố để vay của Công ty cổ phần S số tiền 28.244.680 đồng và thỏa thuận lãi suất vay 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn T, xã V (trước đây là thôn T, xã V, huyện V), tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội.

[2] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng vay tài sản được hai bên giao kết và thực hiện từ sau ngày 01/01/2017, nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tại nơi cư trú và tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Quảng Trị nơi ông Thái Văn T cư trú theo quy định của pháp luật. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông Thái Văn T vẫn vắng mặt lần thứ hai mà không do trở ngại khách quan hoặc vì sự kiện bất khả kháng, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thái Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung: Vào ngày 10/9/2024 thông qua Hợp đồng cầm cố tài sản DHM240902007NA21X của Chi nhánh Đ, Quảng Trị - Công ty cổ phần S giải ngân cho ông Thái Văn T vay số tiền 28.244.680 đồng (*hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi đồng*). Chi nhánh Đ, Quảng Trị - Công ty cổ phần S nhận bảo đảm khoản tiền vay trên thông qua hợp đồng cầm cố DHM240902007NA21X với tài sản cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh BKS 74L1-315.34; Loại xe: Honda Airblade; màu: xanh đen; Số khung: RLHKF4103MZ614135; số máy: KF41E0146972; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 001224 do Công an huyện V cấp ngày 10/05/2021 mang tên ông Thái Văn T.

Ngoài ra phía bị đơn ông Thái Văn T và Chi nhánh Đ, Quảng Trị - Công ty cổ phần S lập Văn Bản thỏa thuận thuê lại tài sản ngày 10/9/2024 có nội dung Ông T thuê lại tài sản đã cầm cố là xe mô tô biển số BKS 74L1-315.34 trong thời hạn 01 năm tính từ ngày 10/9/2024 đến 10/9/2025, phía nguyên đơn đã đồng ý và bàn giao tài sản cầm cố cho phía bị đơn.

Theo nội dung của hợp đồng cầm cố DHM240902007NA21X ngày 10/9/2024, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 10/9/2024 đến 10/9/2025, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, thời hạn thanh toán định kỳ hàng tháng bao gồm tiền gốc và lãi trong hạn với số tiền 2.605.629,89 đồng vào ngày 10 hàng tháng tính từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 9 năm 2025. Tuy nhiên kể từ ngày cầm cố tài sản cho đến nay ông Thái Văn T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như đúng cam kết cho dù bên nguyên đơn đã liên hệ nhiều lần nhưng phía bị đơn trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đến nay đã quá thời hạn cầm cố. Số tiền dư nợ tính đên ngày 25/3/2026 mà ông Thái Văn T chưa thanh toán là 54.145.341 đồng *(năm mươi bốn triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi mốt đồng)*. Do đó, số tiền mà ông Thái Văn T phải trả cho nguyên đơn như sau:

- *Đối với số tiền gốc:* Sau khi cầm cố tài sản, ông Thái Văn T đã nhận số 28.244.680 đồng *(hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi đồng)*. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Thái Văn T không thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn tiền gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố mà các bên đã ký kết. Tính đến ngày 25/3/2026, ông Thái Văn T còn nợ nguyên đơn 28.244.680 đồng *(hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi đồng)*. Do ông Thái Văn T đã vi phạm các điều khoản đã ký trong Hợp đồng cầm cố tài sản số DHM240902007NA21X ngày 10/9/2024 là không trả nợ đúng hạn. Vì vậy, cần buộc ông Thái Văn T phải trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S số tiền nợ gốc là 28.244.680 đồng *(hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi đồng)* là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Đối với số tiền lãi:* Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Thái Văn T không thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn tiền gốc và lãi phát sinh. Hội đồng xét xử thấy rằng: đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định của BLDS, các bên có thoả thuận về lãi suất phù hợp với quy định trong Bộ luật Dân sự, nên cần chấp nhận tính lãi

suất từ khi ông Thái Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 11/10/2024. Ông Thái Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thoả thuận trong hợp đồng cầm cố số DHM240902007NA21X ngày 10/9/2024 mà ông Thái Văn T đã ký với nguyên đơn, nên ông Thái Văn T phải chịu lãi trong hạn, lãi quá hạn kể từ ngày 11/10/2024 đến ngày 25/3/2026 là 7.598.559 đồng *(bảy triệu năm trăm chín mươi tám nghìn năm trăm năm mươi chín đồng)*, trong đó: tiền lãi trong hạn: 2.078.229 đồng *(hai triệu không trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm hai mươi chín đồng)*, tiền lãi quá hạn: 5.519.879 đồng *(năm triệu năm trăm mười chín nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng)*.

- *Đối với tiền phí thuê tài sản*: Sau khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, cùng ngày 10/9/2024, nguyên đơn và ông Thái Văn T có ký thoả thuận thuê xe đối với xe mô tô hai bánh BKS 74L1-315.34; Loại xe: Honda Airblade; màu: xanh đen; Số khung: RLHKF4103MZ614135; số máy: KF41E0146972 để làm phương tiện đi lại với thời hạn là 01 năm từ 10/9/2024 đến ngày 10/9/2025; các bên thỏa thuận giá thuê xe là 1.525.212,75 đồng/tháng (Trong trường hợp thanh toán tiền thuê xe đúng hạn thì phí thuê xe được giảm xuống là 706.117 đồng/tháng), thanh toán vào ngày 10 hàng tháng; địa điểm trả xe là Chi Nhánh Đ - tỉnh Quảng Trị. Sau khi thuê xe, ông Thái Văn T đã sử dụng từ đó cho đến nay nhưng không trả tiền thuê xe và không trả lại xe như thoả thuận mà hai bên đã ký. Hội đồng xét xử nhận thấy, hai bên ký cam kết thuê xe là phù hợp với quy định tại Điều 313 và Điều 314 của BLDS. Ông Thái Văn T đã vi phạm nghĩa vụ nên phía nguyên đơn yêu cầu ông Thái Văn T phải thanh toán tiền thuê xe 12 kỳ (tháng) với số tiền 18.302.553 đồng *(mười tám triệu ba trăm lẻ hai nghìn năm trăm năm mươi ba đồng)*, tương đương 12 kỳ x 1.525.212,75 đồng/kỳ là đúng theo thỏa thuận trong Giấy mượn xe và phù hợp với quy định tại Điều 313 và Điều 314 của BLDS nên cần chấp nhận.

Sau khi ông Thái Văn T thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả số tiền phải thi hành án cho Công ty Cổ phần S thì Công ty Cổ phần S phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông Thái Văn T và xóa đăng ký giao dịch bảo đảm *(cầm cố)* đối với xe mô tô BKS 74L1-315.34; Loại xe: Honda Airblade; màu: xanh đen; Số khung: RLHKF4103MZ614135; số máy: KF41E0146972; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 001224 do Công an huyện V cấp ngày 10/05/2021.

Tại phiên toà, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện: buộc bị đơn ông Thái Văn T phải thanh toán đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ cố định: 944.649 đồng; lãi quá hạn: 115.230 đồng; buộc ông Thái Văn T có nghĩa vụ trả lại xe đã thuê cho Công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ; trường hợp ông Thái Văn T không trả hoặc trả không đầy đủ thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản cầm cố. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên ông Thái Văn T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 313, 314; 463, 466, 468, 470 của BLDS; điểm b khoản 1 Điều 20 nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S đối với ông Thái Văn T về: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc ông Thái Văn T phải trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tính đến ngày 25/3/2026 là 54.145.341 đồng *(năm mươi bốn triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi mốt đồng)*, trong đó: nợ gốc: 28.244.680 đồng *(hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi đồng)*, tiền lãi trong hạn: 2.078.229 đồng *(hai triệu không trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm hai mươi chín đồng)*, tiền lãi quá hạn: 5.519.879 đồng *(năm triệu năm trăm mười chín nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng),* phí thuê xe: 18.302.553 đồng *(mười tám triệu ba trăm lẻ hai nghìn năm trăm năm mươi ba đồng)*.

Sau khi ông Thái Văn T thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả số tiền phải thi hành án cho Công ty Cổ phần S thì Công ty Cổ phần S phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông Thái Văn T và xóa đăng ký giao dịch bảo đảm *(cầm cố)* đối với xe mô tô BKS 74L1-315.34; Loại xe: Honda Airblade; màu: xanh đen; Số khung: RLHKF4103MZ614135; số máy: KF41E0146972; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 001224 do Công an huyện V cấp ngày 10/05/2021.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/3/2026), ông Thái Văn T còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản số DHM240902007NA21X ngày 10/9/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc*.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: Buộc bị đơn ông Thái Văn T phải thanh toán đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ cố định: 944.649 đồng; Buộc bị đơn ông Thái Văn T phải thanh toán đối với khoản tiền lãi quá hạn: 115.230 đồng; Trường hợp ông Thái Văn T không trả hoặc trả không đầy đủ thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản cầm cố; Buộc ông Thái Văn T phải trả lại cho Công ty cổ phần S 01 xe mô tô hai bánh BKS 74L1-315.34; Loại xe: Honda Airblade; màu: xanh đen; Số khung: RLHKF4103MZ614135; số máy: KF41E0146972; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 001224 do Công an huyện V cấp ngày 10/05/2021 mang tên ông Thái Văn T.

3. Về án phí: Buộc ông Thái Văn T phải chịu 2.707.267 đồng *(hai triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.380.000 đồng *(một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký

hiệu: BLTU/25E số 0000921 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/3/2026); bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV8, tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS KV8, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu HSVA.

**Tạ Thanh Tuấn**